

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 50

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 49 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của đã được đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61005161/20237558/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đến ngày 20 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngàn VND

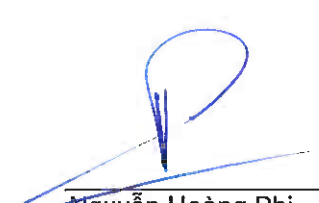
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.755.229.930	9.053.434.391
110	I. Tiền	4	173.549.817	55.347.383
111	1. Tiền		173.549.817	55.347.383
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		346.054.174	462.029.308
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	176.645.721	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	169.408.453	161.706.950
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.533.188.662	7.107.033.165
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.017.193.789	1.418.883.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.091.200.261	1.140.083.263
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	573.831.120	763.601.528
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	7.856.487.538	3.790.053.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(5.668.348)	(5.668.348)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		144.302	79.853
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.450.882.545	1.297.993.195
141	1. Hàng tồn kho		2.452.408.921	1.299.714.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.526.376)	(1.721.184)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		251.554.732	131.031.340
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	60.939.174	26.026.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	190.615.558	91.182.796
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	13.821.965
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.313.289.612	22.455.575.233
210	I. Khoản phải thu dài hạn		2.305.439.396	1.424.092.598
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	30.827.949	30.827.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	2.274.611.447	1.393.264.649
220	II. Tài sản cố định		5.113.006.667	4.760.245.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.210.920.799	864.536.487
222	Nguyên giá		1.861.155.368	1.433.220.287
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(650.234.569)	(568.683.800)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.902.085.868	3.895.708.997
228	Nguyên giá		4.033.058.764	4.000.711.818
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(130.972.896)	(105.002.821)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		529.688.127	589.060.048
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	529.688.127	589.060.048
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	17.245.522.560	15.565.469.615
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	17.307.595.642	15.591.896.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(131.713.451)	(96.067.640)
260	V. Tài sản dài hạn khác		119.632.862	116.707.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	118.963.282	116.036.689
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	669.580	670.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.068.519.542	31.509.009.624

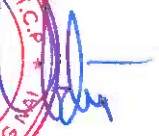
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.048.801.155	6.755.920.862
310	I. Nợ ngắn hạn		14.043.928.946	6.752.566.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.075.114.415	2.412.316.806
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	4.370.113.439	400.401.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	39.754.584	23.383.053
314	4. Phải trả người lao động		18.037.314	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	68.036.523	106.246.789
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.156.231	798.436
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	982.412.534	229.651.483
320	8. Vay ngắn hạn	22	2.489.142.179	3.579.607.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.872.209	3.353.993
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.524.308	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.347.901	3.353.993
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.019.718.387	24.753.088.762
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.019.718.387	24.753.088.762
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.580.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.878.837	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	9.409.839.550	8.143.209.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.153.609.925	3.661.441.007
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.256.229.625	4.481.768.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.068.519.542	31.509.009.624


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	22.159.467.541	17.036.857.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(90.780)	(121.134)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	22.159.376.761	17.036.735.998
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(21.272.653.210)	(16.414.471.126)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		886.723.551	622.264.872
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.224.436.884	2.607.563.711
22	7. Chi phí tài chính	26	(178.377.848)	(195.217.549)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(54.703.441)	(38.975.904)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(320.283.217)	(269.161.801)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(327.724.786)	(258.844.867)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.284.774.584	2.506.604.366
31	11. Thu nhập khác	29	32.642.515	45.310.034
32	12. Chi phí khác	29	(20.135.444)	(115.881.489)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	12.507.071	(70.571.455)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.297.281.655	2.436.032.911
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(41.050.811)	-
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(1.219)	9.638.911
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.256.229.625	2.445.671.822

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		3.297.281.655	2.436.032.911
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	110.011.917	90.676.809
03	Trích lập các khoản dự phòng		35.451.002	14.581.481
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.617.796	127.579.418
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.135.020.110)	(2.512.670.143)
06	Chi phí lãi vay	26	54.703.441	38.975.904
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		411.045.702	195.176.380
09	Tăng các khoản phải thu		(3.167.551.915)	(26.829.683)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.253.064.784)	242.234.935
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.512.930.813	(358.489.409)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(38.346.083)	5.265.934
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		123.676.637	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(52.915.022)	(38.585.244)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(375.994)	(45.768.655)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		2.535.399.354	(26.995.742)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(208.940.286)	(279.022.217)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		5.812.834	1.043.196
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(490.741.095)	(339.736.355)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		672.810.000	4.080.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.715.698.757)	(223.759.635)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		1.498.967.307	2.512.499.068
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(237.789.997)	1.675.104.057


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

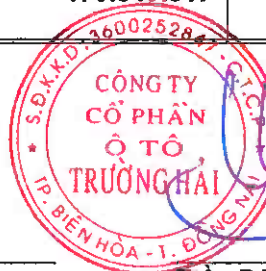
Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.606.913.504	2.750.724.846
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.718.706.881)	(2.878.228.592)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(1.067.630.995)	(1.656.888.279)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.179.424.372)	(1.784.392.025)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		118.184.985	(136.283.710)
60	Tiền đầu kỳ		55.347.383	248.674.687
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.449	(5.450)
70	Tiền cuối kỳ	4	173.549.817	112.385.527


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 20 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 49 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 5.615 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.302 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 vào ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan. |
| Xe các loại | - giá mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.14 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	19.634.363	8.848.178
Tiền gửi ngân hàng	150.236.194	43.775.685
Tiền đang chuyển	3.679.260	2.723.520
TỔNG CỘNG	173.549.817	55.347.383

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cán trừ với công nợ	897.086.874	890.247.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	<u>176.645.721</u>	<u>176.645.721</u>	<u>300.322.358</u>	<u>300.322.358</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	<u>169.408.453</u>	<u>161.706.950</u>
(i) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.		

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bên khác	955.921.305	1.372.174.637
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>61.272.484</u>	<u>46.709.209</u>
TỔNG CỘNG	1.017.193.789	1.418.883.846
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(603.500)</u>	<u>(603.500)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	1.016.590.289	1.418.280.346

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	(603.500)	(610.488)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>-</u>	<u>33.825</u>
Số cuối kỳ	<u>(603.500)</u>	<u>(576.663)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước mua cổ phiếu	251.000.000	232.000.000
Trả trước mua quyền sử dụng đất	661.517.059	699.236.447
Trả trước đầu tư phòng trưng bày và tài sản	-	143.865.620
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.178.683.202	64.981.196
TỔNG CỘNG	2.091.200.261	1.140.083.263
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	958.547.022	12.269.690
<i>Khác</i>	962.653.239	957.813.573

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	470.766.272	660.536.680
Bên khác	103.064.848	103.064.848
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	98.000.000	98.000.000
- Khác	5.064.848	5.064.848
TỔNG CỘNG	573.831.120	763.601.528
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	568.766.272	758.536.680

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	2.945.484.638	1.260.536.688
Thanh toán cho LC ủy thác	1.096.973.118	971.119.884
Tạm ứng cho nhân viên (i)	3.415.559.329	874.498.386
Thanh toán cho dự án Fuso	305.596.288	608.378.041
Thanh toán hộ các công ty con	30.365.938	6.862.059
Ký quỹ mở thư tín dụng	11.368.302	9.511.108
Khác	51.139.925	59.146.857
TỔNG CỘNG	7.856.487.538	3.790.053.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	4.388.895.272	2.881.192.005
<i>Bên khác</i>	3.467.592.266	908.861.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dài hạn		
Ứng tiền xây dựng văn phòng (ii)	2.263.708.503	1.381.968.705
Ký quỹ, ký cược	10.902.944	11.295.944
TỔNG CỘNG	2.274.611.447	1.393.264.649
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	2.263.708.503	1.381.968.705
<i>Bên khác</i>	10.902.944	11.295.944

(i) Đây là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh, công ty con của Công ty, để xây dựng Khu cao ốc văn phòng, thương mại, dịch vụ theo Hợp đồng số 0717/2015/HĐHT-ĐQM-THACO ngày 1 tháng 7 năm 2015.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	2.120.576.750	(527.876)	1.058.929.694	(721.239)
Nguyên vật liệu	165.394.039	(998.500)	144.801.173	(999.945)
Hàng mua đang đi trên đường	141.451.809	-	79.430.891	-
Công cụ, dụng cụ	10.079.414	-	9.784.573	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.906.909	-	6.768.048	-
TỔNG CỘNG	2.452.408.921	(1.526.376)	1.299.714.379	(1.721.184)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	(1.721.184)	(1.403.805)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	194.808	485.879
Số cuối kỳ	(1.526.376)	(917.926)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	60.939.174	26.026.579
Công cụ, dụng cụ đang dùng	22.648.666	14.262.427
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	14.835.358	1.828.245
Chi phí quảng cáo	8.336.546	3.405.913
Chi phí bảo trì	1.659.060	1.913.788
Khác	13.459.544	4.616.206
Dài hạn	118.963.282	116.036.689
Chi phí bảo trì	38.577.718	38.263.854
Công cụ, dụng cụ đang dùng	33.556.757	28.738.687
Chi phí bồi thường	33.086.863	34.546.577
Chi phí thuê văn phòng và đất	9.300.785	10.770.617
Khác	4.441.159	3.716.954
TỔNG CỘNG	179.902.456	142.063.268

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cho các bên khác vay	<u>30.827.949</u>	<u>30.827.949</u>

Chi tiết khoản vay cho các bên khác vay như sau :

Bên vay	Ngày 30 tháng	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	6 năm 2018			
	Ngàn VND			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	5 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đức Thành (i)	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Nguyễn Thị Phương Thành (i)	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
TỔNG CỘNG	30.827.949			

(i) Công ty Cổ Phần Ô tô Trường Hải cho bà Nguyễn Thị Phương Thành và Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đức Thành vay theo hợp đồng vay tiền ngày 24/11/2017 để góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.061.990.296	76.365.300	200.649.433	81.690.554	12.524.704	1.433.220.287
Mua mới trong kỳ	3.851.534	35.321.518	33.770.487	24.322.378	3.721.886	100.987.803
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	229.448.067	44.500 (37.166)	105.560.166 (8.108.016)	39.727	-	335.092.460 (8.145.182)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.295.289.897	111.694.152	331.872.070	106.052.659	16.246.590	1.861.155.368
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	65.835.874	18.916.624	34.848.182	25.047.986	2.043.034	146.691.700
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	371.169.726	39.960.697	99.229.984	52.557.838	5.765.555	568.683.800
Khấu hao trong kỳ	50.895.787	6.539.035 (37.166)	16.149.543 (2.453.907)	9.128.177	1.329.300	84.041.842 (2.491.073)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	422.065.513	46.462.566	112.925.620	61.686.015	7.094.855	650.234.569
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	690.820.570	36.404.603	101.419.449	29.132.716	6.759.149	864.536.487
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	873.224.384	65.231.586	218.946.450	44.366.644	9.151.735	1.210.920.799

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Ngân VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.650.367.592	1.325.610.388	24.312.660	421.178	4.000.711.818
Mua mới trong kỳ	-	-	64.500	-	64.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	32.282.446	-	-	32.282.446
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.650.367.592	1.357.892.834	24.377.160	421.178	4.033.058.764
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	-	13.479.874	421.178	13.901.052
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	87.514.904	17.066.739	421.178	105.002.821
Hao mòn trong kỳ	-	23.967.196	2.002.879	-	25.970.075
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	111.482.100	19.069.618	421.178	130.972.896
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.650.367.592	1.238.095.484	7.245.921	-	3.895.708.997
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.650.367.592	1.246.410.734	5.307.542	-	3.902.085.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Hệ thống phòng trưng bày xe ô tô	242.410.360	302.006.675
Trung tâm thương mại xe	251.842.561	263.814.850
Khác	35.435.206	23.238.523
TỔNG CỘNG	<u>529.688.127</u>	<u>589.060.048</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	17.307.595.642	15.591.896.886
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	7.140.000	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>17.377.236.011</u>	<u>15.661.537.255</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(131.713.451)	(96.067.640)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	<i>(131.713.451)</i>	<i>(96.067.640)</i>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>17.245.522.560</u>	<u>15.565.469.615</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
	Lĩnh vực kinh doanh				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Đang hoạt động	83.07	10.224.157.125	84.85	10.224.157.125
	Kinh doanh bất động sản				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Trước hoạt động	100	2.248.418.163	100	957.850.969
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Đang hoạt động	100	600.000.000	100	600.000.000
	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
	Sản xuất ô tô				
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
	Sản xuất ô tô				
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Đang hoạt động	100	400.000.000	100	120.000.000
	Dịch vụ vận tải				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Đang hoạt động	100	350.000.000	100	350.000.000
	Sản xuất ô tô				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Đang hoạt động	99.99	305.692.553	99.99	305.692.553
	Cung cấp vật tư, thiết bị				
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa THACO	Trước hoạt động	100	237.920.536	100	110.762.095
	Sản xuất phụ tùng				
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
	Sản xuất bộ phận cơ khí				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000
	Sản xuất ô tô				
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
	Mua bán ô tô				
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
	Sản xuất ô tô				

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Công ty TNHH MTV Soosung Motors Technology ("SMT")	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100	60.000.000	100	60.000.000
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77.5	51.150.000	77.5	51.150.000
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất Sormi rơmoóc	Đang hoạt động	51	45.900.000	51	45.900.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	44.100.000	100	44.100.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Mua bán phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VNĐ
	Lĩnh vực kinh doanh				
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	100	40.000.000	100	35.786.878
Công ty TNHH Thái Nguyên - Trường Hải	Mua bán ô tô	100	38.500.000	100	38.500.000
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Mua bán ô tô	100	37.730.000	100	34.630.001
Trường Cao đẳng THACO	Đào tạo	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bàng	Thương mại	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	99.8	31.886.597	99.8	31.886.597
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Sản xuất máy móc	100	15.710.000	100	5.050.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Thương mại	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng	60	13.800.000	60	13.800.000

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	49	10.584.000	49	10.584.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	6.000.000	100	6.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ Tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
TỔNG CỘNG				17.307.595.642		15.591.896.886
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(131.713.451)		(96.067.640)
GIÁ TRỊ THUẬN				17.175.882.191		15.495.829.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	2.640.000	30	2.640.000
TỔNG CỘNG		7.140.000		7.140.000

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.727.800	62.500.369

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người bán khác	4.567.492.532	993.765.434
- Mazda Motor Corporation (*)	3.063.837.396	669.334.330
- Kia Motors Corporation (*)	1.035.105.815	197.814.334
- Người bán khác	468.549.321	126.616.770
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.507.621.883	1.418.551.372
TỔNG CỘNG	6.075.114.415	2.412.316.806

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam và Sumitomo Mitsui Banking Corporation.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	4.293.080.145	271.474.392
Bên khác	77.033.294	128.926.651
TỔNG CỘNG	4.370.113.439	400.401.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2018	
	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngàn VND	
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(91.182.796)	(2.810.849.481)	2.711.416.719	(190.615.558)
Thuế TNDN nộp thừa	(13.821.965)	-	13.821.965	-
TỔNG CỘNG	(105.004.761)	(2.810.849.481)	2.725.238.684	(190.615.558)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.000.162	3.123.101.773	(3.128.369.595)	2.732.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	4.550.306	27.228.846	(375.994)	31.403.158
Thuế thu nhập cá nhân	7.443.041	25.162.293	(30.516.670)	2.088.664
Thuế nhập khẩu	3.340.980	514.242.410	(514.242.410)	3.340.980
Khác	48.564	2.186.224	(2.045.346)	189.442
TỔNG CỘNG	23.383.053	3.691.921.546	(3.675.550.015)	39.754.584

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Ngàn VND	
Lương tháng 13 và lương năng suất	52.249.527		95.370.834	
Chi phí lãi vay	5.252.563		3.464.145	
Khác	10.534.433		7.411.810	
TỔNG CỘNG	68.036.523		106.246.789	

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Ngàn VND	
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	33.775.962		212.346.854	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6.306.237		8.286.605	
Cổ tức phải trả	922.939.036		970.031	
Khác	19.391.299		8.047.993	
TỔNG CỘNG	982.412.534		229.651.483	

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

22. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Nhận trong kỳ	Trả trong kỳ	Đánh giá lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Vay ngân hàng (*)	3.416.519.911	2.606.913.504	(3.558.706.881)	21.328.024	2.486.054.558
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	160.000.000	-	(160.000.000)	-	-
Vay từ cá nhân	3.087.621	-	-	-	3.087.621
TỔNG CỘNG	3.579.607.532	2.606.913.504	(3.718.706.881)	21.328.024	2.489.142.179

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	867.656.727	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Parisbas – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	432.140.204	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citi Bank (Việt nam) – Chi nhánh Thành phố Hà Nội	233.696.887	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	230.818.922	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	207.785.240	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	200.592.626	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Singapore)	115.395.886	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	61.855.248	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

22. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
JPMorgan Chase Bank, N.A., Singapore Branch	49.983.742	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng Fubon Đài Loan - Chi nhánh Hồ Chí Minh	41.701.889	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	38.475.852	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng	5.951.335	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tin chấp
TỔNG CỘNG	2.486.054.558			

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.145.000.000	2.998.618.837	(6.840.000)	15.598.321.007	22.735.099.844
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.445.671.822	2.445.671.822
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.657.280.000)	(1.657.280.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.145.000.000	2.998.618.837	(6.840.000)	16.386.712.829	23.523.491.666
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.580.000.000	29.878.837	-	8.143.209.925	24.753.088.762
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.256.229.625	3.256.229.625
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(1.989.600.000)	(1.989.600.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	16.580.000.000	29.878.837	-	9.409.839.550	26.019.718.387

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2018/NQ-DHĐCĐ/THACO ngày 19 tháng 4 năm 2018, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 12% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 12% này, tương đương với 1.989.600.000 ngân VND, vào ngày 7 tháng 5 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.428.868.396	14.288.683.960	86,18	1.429.319.748	14.293.197.480	86,21
Cổ đông cá nhân	229.131.604	2.291.316.040	13,82	228.680.252	2.286.802.520	13,79
TỔNG CỘNG	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00	1.658.000.000	16.580.000.000	100,00

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cổ phiếu đã được duyệt	1.658.000.000	1.658.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.658.000.000 1.658.000.000	1.658.000.000 1.658.000.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>16.580.000.000</u>	<u>4.145.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả trong kỳ	1.067.630.995	1.656.888.279
Cổ tức công bố	1.989.600.000	1.657.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Doanh thu gộp	22.159.467.541	17.036.857.132
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	17.244.117.634	13.756.169.620
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.024.745.694	2.652.589.430
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	827.457.393	579.465.721
<i>Khác</i>	63.146.820	48.632.361
Các khoản giảm trừ doanh thu	(90.780)	(121.134)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(90.780)	(121.134)
DOANH THU THUẦN	22.159.376.761	17.036.735.998
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	17.244.117.634	13.756.169.620
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	4.024.654.914	2.652.468.296
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	827.457.393	579.465.721
<i>Khác</i>	63.146.820	48.632.361
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	17.732.111.087	14.204.384.946
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	4.427.265.674	2.832.351.052

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thu nhập từ cổ tức	3.104.248.173	2.499.822.643
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	64.319.361	95.064.643
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	25.293.303	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.271.740	8.027.980
Lãi cho vay	8.304.307	4.648.445
TỔNG CỘNG	3.224.436.884	2.607.563.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá vốn xe các loại đã bán	16.545.850.214	13.253.216.212
Giá vốn phụ tùng đã bán	3.972.580.770	2.616.947.691
Giá vốn dịch vụ cung cấp	687.041.039	495.614.076
Khác	67.181.187	48.693.147
TỔNG CỘNG	21.272.653.210	16.414.471.126

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi vay	54.703.441	38.975.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	87.889.035	140.026.995
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	35.645.811	15.101.185
Khác	139.561	1.113.465
TỔNG CỘNG	178.377.848	195.217.549

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí lương	143.335.031	122.512.924
Chi phí thuê	36.322.518	21.184.880
Chi phí quảng cáo	31.378.653	23.034.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.102.053	28.240.786
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.538.977	21.879.356
Chi phí giao hàng	21.333.960	16.977.579
Công cụ và thiết bị	11.818.409	19.055.033
Khác	21.453.616	16.276.558
TỔNG CỘNG	320.283.217	269.161.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lương	141.644.197	124.500.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.552.821	75.834.734
Chi phí khấu hao và hao mòn	50.252.125	38.327.870
Công cụ, dụng cụ	5.680.645	5.109.834
Khác	34.594.998	15.072.289
TỔNG CỘNG	<u>327.724.786</u>	<u>258.844.867</u>

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập khác	32.642.515	45.310.034
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	8.745.341	3.628.865
Thu nhập từ dịch vụ hỗ trợ	6.753.427	842.905
Thu nhập dịch vụ đăng kí xe ô tô	617.744	24.418.409
Chi phí trả hộ	137.306	6.252.332
Khác	16.388.697	10.167.523
Chi phí khác	(20.135.444)	(115.881.489)
Chi phí hoạt động hỗ trợ	(5.314.983)	(160.785)
Chi phí hoạt động cho thuê	(4.808.358)	(138.458)
Chi phí trả hộ	(2.152.874)	(4.586.586)
Chi phí dịch vụ đăng kí xe ô tô	(11.931)	(757.845)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(106.477.424)
Khác	(7.847.298)	(3.760.391)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>12.507.071</u>	<u>(70.571.455)</u>

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn hàng hóa	20.972.595.150	16.217.847.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.469.848	362.917.586
Chi phí lương	233.189.059	225.081.996
Chi phí khấu hao và hao mòn	110.011.917	90.676.809
Khác	152.395.239	45.953.867
TỔNG CỘNG	<u>21.920.661.213</u>	<u>16.942.477.794</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.050.811	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.219	(9.638.911)
TỔNG CỘNG	41.052.030	(9.638.911)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.297.281.655	2.436.032.911
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	659.456.331	487.206.582
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(620.849.635)	(499.964.529)
Chi phí không được khấu trừ	1.672.396	3.119.035
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(8.357)
Dự phòng khoản đầu tư vào SMT	771.719	-
Lỗi tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	9.647.269
Chi phí thuế TNDN	41.050.811	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

31.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán</u>		<u>Báo cáo kết quả</u>	
	<u>riêng giữa niên độ</u>		<u>hoạt động kinh doanh riêng</u>	
Ngày 30	Ngày 31	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế	
tháng 6	tháng 12	sáu tháng kết	toán sáu	
năm 2018	năm 2017	thúc ngày 30	tháng kết	
		tháng 6 năm	thúc	
		2018	ngày 30 tháng	
			6 năm 2017	
Lỗi tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	-	-	9.647.268
Dự phòng trợ cấp thôi việc	669.580	670.799	(1.219)	(8.357)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	669.580	670.799		
(Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại			(1.219)	9.638.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	9.620.308.774	8.058.068.637
		Bán hàng hóa	3.978.400.451	2.603.171.776
		Cổ tức nhận được	623.518.941	433.077.521
		Cung cấp dịch vụ	34.144.933	26.925.708
		Mua tài sản cố định	18.031.887	6.273.533
		Sử dụng dịch vụ	-	389.918
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	2.607.486.051	5.315.992.173
		Cổ tức nhận được	167.984.468	199.308.862
		Bán hàng hóa	5.246.937	25.215.624
		Cung cấp dịch vụ	18.551.688	19.668.194
		Sử dụng dịch vụ	1.505.436	1.992.818
		Mua tài sản cố định	322.091	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Góp vốn	1.290.567.194	44.471.565
		Bán hàng hóa	260.000	-
Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Cổ tức nhận được	1.078.380.740	380.869.786
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	522.425.160	613.873.038
		Cung cấp dịch vụ	69.107	19.930
		Bán hàng hóa	-	245
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Góp vốn	280.000.000	-
		Cổ tức nhận được	44.978.598	-
		Sử dụng dịch vụ	78.420	-
		Cung cấp dịch vụ	57.110	116.224
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Cổ tức nhận được	242.221.026	86.224.487
		Cung cấp dịch vụ	158.893	74.496
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa THACO	Công ty con	Góp vốn	127.158.441	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Góp vốn	10.660.000	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Góp vốn	4.213.122	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus THACO	Công ty con	Cổ tức nhận được	126.383.355	-
		Cung cấp dịch vụ	63.682	217.729
		Bán hàng hóa	-	24.991.200
		Góp vốn	-	165.677.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Cổ tức nhận được	26.000.478	10.028.506
		Bán hàng hóa	24.218.229	1.415.624
		Mua hàng hóa	6.386.531	1.406.238
		Sử dụng dịch vụ	324.288	33.802
		Cung cấp dịch vụ	20.482	474.283
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Công ty con	Cổ tức nhận được	41.908.204	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	41.026.153	-
		Sử dụng dịch vụ	441.400	862.323
		Cung cấp dịch vụ	3.016	30.611
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	17.390.810	11.454.831
		Bán hàng hóa	15.206.910	14.933.004
		Cổ tức nhận được	5.762.622	15.324.635
		Sử dụng dịch vụ	1.025.843	1.691.672
		Cung cấp dịch vụ	47.744	289.759
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Mua hàng hóa	21.967.891	2.302.455
		Cổ tức nhận được	8.166.738	4.963.782
		Bán hàng hóa	7.151.610	899.693
		Cung cấp dịch vụ	3.992	80.367
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	29.021.074	111.962.656
		Sử dụng dịch vụ	592.153	-
		Cung cấp dịch vụ	587	19.850
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	25.037.752	24.146.540
		Sử dụng dịch vụ	1.622.681	152.926
		Bán hàng hóa	298.909	7.919
		Cung cấp dịch vụ	74.643	58.913
		Mua tài sản cố định	-	121.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Cổ tức nhận được	9.260.810	62.431.629
		Mua hàng hóa	5.941.984	3.797.549
		Sử dụng dịch vụ	4.965.076	1.076.267
		Bán hàng hóa	3.815.778	2.876.391
		Mua tài sản cố định	184.048	-
		Cung cấp dịch vụ	119.010	258.097
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	9.862.504	4.737.742
		Bán hàng hóa	8.631.474	4.019.393
		Cổ tức nhận được	4.013.219	8.510.518
		Sử dụng dịch vụ	35.681	417.682
		Cung cấp dịch vụ	19.372	327.539
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Cổ tức nhận được	16.131.729	6.006.437
		Mua hàng hóa	2.834.716	1.238.689
		Bán hàng hóa	2.373.295	5.626
		Cung cấp dịch vụ	32.934	123.884
		Sử dụng dịch vụ	6.182	3.021
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	15.562.970	-
		Sử dụng dịch vụ	17.378	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải.	Công ty con	Cổ tức nhận được	8.963.262	31.569.780
		Sử dụng dịch vụ	3.584.771	2.763.702
		Cung cấp dịch vụ	2.173.235	2.264.880
		Mua hàng hóa	518.281	310.149
		Bán hàng hóa	12.139	394.769
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	8.548.600	944.202
		Mua hàng hóa	1.018.657	1.429.558
		Cung cấp dịch vụ	8.807	499.866
		Sử dụng dịch vụ	8.610	4.045
		Góp vốn	-	23.193.381
		Cổ tức nhận được	-	12.246.469
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Công ty con	Cổ tức nhận được	13.476.240	15.457.540
		Sử dụng dịch vụ	44.400	-
		Cung cấp dịch vụ	2.275	-
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Công ty con	Góp vốn	3.100.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô Tô	Công ty con	Cổ tức nhận được	4.501.260	11.764.170
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa Cổ tức nhận được	679.452 472.439 40.876 -	- 473.680 43.618 341.688.871

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng hóa	13.840.713	14.754.806
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bể	Công ty con	Bán hàng hóa	12.065.259	16.239.930
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	7.653.207	374.606
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng hóa	5.599.167	3.413.584
Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Công ty con	Bán hàng hóa	4.654.144	4.602.364
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Bán hàng hóa	4.587.725	-
Công ty TNHH ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.387.568	2.387.568
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng hóa	1.634.715	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Bán hàng hóa	1.625.290	-
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	1.579.171	-
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	1.123.670	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	772.817	436.950
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	650.781	854.478
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	578.215	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	524.399	1.219.182
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải Vĩnh Phúc	Công ty con	Bán hàng hóa	507.715	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Bán hàng hóa	478.318	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	282.162	414.847
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	56.528	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Bán hàng hóa	14.134	490.000
Khác	Công ty con	Bán hàng hóa	656.786	1.520.894
TỔNG CỘNG			61.272.484	46.709.209
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua xe và phụ tùng	958.484.022	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất xe Bus Thaco	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	63.000	-
Công ty TNHH MTV Phân phối xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	11.839.807
Công Ty TNHH MTV Cơ Điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	409.883
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua phụ tùng	-	20.000
TỔNG CỘNG			958.547.022	12.269.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Sản Xuất xe Bus THACO	Công ty con	Cho vay	221.034.000	292.084.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô Thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	174.384.900	99.785.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Cho vay	51.247.372	50.957.680
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng THACO	Công ty con	Cho vay	18.700.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô Tô Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	5.400.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	201.510.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	-	16.200.000
TỔNG CỘNG			470.766.272	660.536.680
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	801.700.189	415.162.548
		Thanh toán cho dự án FUSO	305.596.288	305.596.288
		Cổ tức được nhận	126.383.355	-
		Lãi cho vay	920.975	956.239
		Thanh toán hộ	289.277	924
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Cổ tức được nhận	1.133.990.249	-
		Thanh toán hộ	-	600
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận	524.968.877	393.631.525
		Thanh toán cho dự án FUSO	-	302.781.753
		Thanh toán hộ	69.220	-
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận	341.553.048	173.568.579
		Thanh toán cho LC ủy thác	1.312.439	-
Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	190.187.761	10.791.642
		Thanh toán hộ	3.311	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ Thanh toán cho LC ủy thác Lãi cho vay	134.546.206 74.258 - -	137.760.215 650.637 42.687.699 850.724
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Lãi cho vay	108.647.672 1.696.889	67.877.853 967.741
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận	86.559.482	65.763.558
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	62.446.534 118.399	39.171.055 -
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	49.344.887 131.247	42.140.095 17.057
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	42.213.920 319.470	13.192.846 112.891
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Cổ tức được nhận	38.866.954	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải.	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	38.823.675 7.551	40.997.693 -
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác	35.616.662	439.813.920
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Thanh toán hộ Lãi cho vay	32.868.729 257.159 195.751	32.868.729 185.978 66.575
Công Ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô THACO	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	29.908.204 102.733	17.819.909 27.046
Công Ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	27.195.678 3.243	18.091.738 50.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	24.626.730 4.773	20.943.186 3.841
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Thanh toán hộ	23.376.085 1.391	- -
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Thanh toán hộ Cổ tức được nhận	23.205.177 50.441	23.232.965 50.441
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	22.353.936 60.439	14.051.207 151.858
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	16.076.085 2.408.948	13.909.347 2.608.551
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	16.807.799 176.611	32.844.829 15.433
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	14.942.733 17.611	13.185.183 -
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	14.592.614 306.565	12.879.395 154.136
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận	14.789.020	16.105.506
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	13.922.686 532.805	10.714.876 324.483
Công ty TNHH Sản Xuất Máy Lạnh THACO	Công ty con	Thanh toán cho LC ủy thác Thanh toán hộ	13.223.693 -	29.795.346 2.772
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô Tô	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	12.947.760 16.746	-
Công Ty Cổ Phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	8.122.320 -	9.122.320 45.708
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	7.851.593 74.335	35.903.886 19.566
Công Ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Thanh toán hộ	7.311.929	9.088.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	7.233.694 643	6.649.377 10.195
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	2.697.055 2.566.258	53.326.969 44.658
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	4.893.293 55.490	3.755.788 42.333
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	4.501.260 195.319	- -
Công ty TNHH MTV Huế - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	2.959.670 45.117	- -
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	2.527.759 27.730	- -
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện Lạnh Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	2.512.619 -	6.448.686 20.568
Công Ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Lãi cho vay Thanh toán hộ	1.412.842 82.434	- 46.836
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệt Bể	Công ty con	Cổ tức được nhận Thanh toán hộ	332.033 50.767	- -
Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Công ty con	Thanh toán hộ Lãi cho vay	204.693 128.296	- -
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được nhận	300.692	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Cổ tức được nhận	147.966	-
Công ty TNHH ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Thanh toán hộ	43.604	-
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Thanh toán hộ Cổ tức được nhận	23.772 -	- 17.755
Khác	Công ty con	Thanh toán hộ	1.231.149	2.071.604
TỔNG CỘNG			4.388.895.272	2.881.192.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngân VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng văn phòng	<u>2.263.708.503</u>	<u>1.381.968.705</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.480.294.880	722.162.243
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Mua hàng hóa	3.754.421	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	3.489.743	4.812.588
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	3.087.490	-
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	3.039.449	1.416.116
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Mua hàng hóa	2.842.211	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	2.228.981	-
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.782.258	682.309.883
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.016.104	1.568.590
Khác	Công ty con	Mua hàng hóa	<u>6.086.346</u>	<u>6.281.952</u>
TỔNG CỘNG			<u>1.507.621.883</u>	<u>1.418.551.372</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Phân Phối Ô tô Du Lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng tiền mua hàng hóa	<u>4.293.080.145</u>	<u>271.474.392</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Vay ngắn hạn phải trả				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Công ty con	Vay	-	160.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Phụ Tùng Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	30.002.636	30.002.636
Trường Cao Đẳng THACO	Công ty con	Thu hộ	2.915.714	6.841.297
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Công ty con	Thu hộ	-	139.941.531
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải KIA	Công ty con	Thu hộ	-	35.445.781
Khác	Công ty con	Thu hộ	857.612	115.609
TỔNG CỘNG			33.775.962	212.346.854

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lương và thưởng	12.322.146	13.748.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	26.442.509	34.172.380
Trên 1 – 5 năm	60.123.279	62.580.260
Trên 5 năm	223.129.319	229.266.307
TỔNG CỘNG	309.695.107	326.018.947

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 1.883.646.430 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.319.345.186 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản cam kết trị giá 443.682.542 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 172.245.531 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2018/BB-HĐQT/THACO ngày 2 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua các kế hoạch chiến lược sau:

- Mua 221.688 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HAGL Agrico") phát hành ra công chúng theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 27/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018 với giá trị khoảng 2.216.880.000 ngàn VND; và
- Đàm phán và ký kết thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và HAGL Agrico.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018